

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 5 - 2024
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SL, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Mai Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lò Thị Quỳnh
- Bà Hoàng Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Cầm Việt Hùng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bằng Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toàn số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Quàng Văn K, sinh năm 1962. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 4, phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu tạm trú và nơi ở hiện nay: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Lò Thị P, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Tổ 4, phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2023 và bản tự khai nguyên đơn ông Quàng Văn K trình bày:

Ông Quàng Văn K và bà Lò Thị P tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2009 tại Ủy ban nhân dân phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm (từ 2009 đến năm 2013) thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, hai bên không hiểu nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, bà P hay ghen tuông vô cớ và liên tục có những lời nói xúc phạm đến ông K, mặt khác, bà P cũng không cho ông K lập bàn thờ để thờ cúng ông bà, tổ tiên. Mặc dù ông K đã nhiều lần nhẫn nhịn và bỏ qua nhưng bà P càng lấn tới, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên can nhưng ông bà vẫn không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 9 năm 2022, ông K chuyển về sinh sống tại bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La, ông và bà P ly thân từ đó đến nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông K có đơn khởi kiện xin được ly hôn với bà Lò Thị P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, ông Quàng Văn K và bà Lò Thị P không có con chung.

Về tài sản, ông Quàng Văn K xác định ông bà không có tài sản chung, tài sản riêng và không vay nợ ai.

Theo bản tự khai, bị đơn bà Lò Thị P trình bày:

Nhất trí với nội dung trình bày của ông Quàng Văn K về thời điểm kết hôn và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện nhưng vẫn không hòa giải được. Nay ông K có đơn xin ly hôn bà, bà cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị được quay về đoàn tụ với ông Quàng Văn K.

Bà Lò Thị P xác nhận bà và ông Quàng Văn K không có con chung, không có tài sản chung, tài sản riêng và không vay nợ ai.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/02/2024, ông K không thay đổi về phạm vi yêu cầu khởi kiện, ông K và bà P không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tại phiên hòa giải ngày 26/02/2024 và ngày 02/4/2024, ông K giữ nguyên quan điểm muốn ly hôn với bà P, nhưng bà P không nhất trí ly hôn với ông K. Cùng ngày 02/4/2024, ông K có đơn đề nghị không tiếp tục tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản về việc vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Chủ tọa công bố nội dung đơn xin xét xử vắng mặt của Nguyên đơn về việc giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Lò Thị P. Bị đơn bà Lò Thị P đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Qua kiểm sát vụ án thấy Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận cho ông Quàng Văn K ly hôn với bà Lò Thị P; ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn ông Quàng Văn K khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn bà Lò Thị P có nơi cư trú tại tổ 4, phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Quàng Văn K có đơn đề xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lò Thị P đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Quàng Văn K và bị đơn bà Lò Thị P.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Trích lục kết hôn và biên bản xác minh với cán bộ tư pháp hộ tịch phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La thì ông Quàng Văn K và bà Lò Thị P tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2009 tại Ủy ban nhân dân phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La là sự thật và quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Quàng Văn K thấy rằng: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng giữa ông K và bà P hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã do ghen tuông và không tôn trọng tín ngưỡng của nhau, dẫn đến việc hai bên mâu thuẫn kéo dài, ông K đã chính thức chuyển về ở tại bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La từ tháng 09 năm 2022 và hai người sống ly thân từ đó đến nay. Từ ngày ly thân, ông K và bà P không quan tâm, hỏi thăm nhau, bản thân ông K cũng không liên hệ hoặc quay lại nhà cũ ở với bà P. Việc mâu thuẫn giữa ông K bà P đã được gia đình hai bên can ngăn, hòa giải nhưng không thành. Xác định lời khai trình bày về nguyên nhân, lý do mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của ông K là sự thật, có căn cứ phù hợp với ý kiến của ông Nguyễn Khắc T – tổ trưởng tổ 4, phường QT, thành phố SL, biên bản xác minh với anh Chăm Hoàng S (anh trai ruột của bà Lò Thị P, trực tiếp sống chung cùng bà P và ông K), biên bản xác minh với ông Hà Văn S (hàng xóm của ông K bà P). Xét tình cảm vợ chồng giữa ông K và bà P thực sự không còn, đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời cũng để cho ông bà sớm ổn định cuộc sống về sau, nay ông K có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà P, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu giải quyết cho ông K được ly hôn với bà P.

[4] Về con chung: Ông Quàng Văn K và bà Lò Thị P xác định không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng: Ông Quàng Văn K và bà Lò Thị P xác định ông bà không có tài sản chung, tài sản riêng và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về vay nợ chung: Ông Quàng Văn K và bà Lò Thị P cam kết ông bà không vay nợ của ai.

[7] Về án phí: Ông Quàng Văn K là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Quàng Văn K được ly hôn với bà Lò Thị P.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Miễn tiền án phí cho nguyên đơn ông Quàng Văn K.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố SL;
- Chi cục THADS thành phố SL;
- UBND phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La (để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lò Thị Mai Hương

